

Số: 163/NQ-HĐND

Móng Cái, ngày 20 tháng 7 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

Về việc điều chỉnh, bổ sung một số nội dung về kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn vốn ngân sách thành phố giai đoạn 2021-2025

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ MÓNG CÁI
KHÓA XXI - KỲ HỌP THỨ 12**

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước năm 2015; Luật Đầu tư công năm 2019; Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 152/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân Tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung và phân bổ dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2023;

Căn cứ các Thông báo Kết luận của Ban Thường vụ Thành ủy: số 980-TB/TU ngày 26 tháng 5 năm 2023 về chủ trương đối với Nhiệm vụ, phương án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 và đề xuất chủ trương đầu tư dự án Xây mới trụ sở Ban Chỉ huy Quân sự phường Trà Cổ, thành phố Móng Cái; số 992-TB/TU ngày 06 tháng 7 năm 2023 về chủ trương điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn vốn ngân sách Thành phố giai đoạn 2021-2025;

Xét Tờ trình số 133/TTr-UBND ngày 07 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc đề nghị điều chỉnh, bổ sung một số nội dung về kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn vốn ngân sách thành phố giai đoạn 2021-2025 tại Nghị quyết số 153/NQ-HĐND ngày 20 tháng 4 năm 2023 của Hội đồng nhân dân thành phố Móng Cái; Báo cáo thẩm tra số 137/BC-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2023 của Ban Kinh tế - Xã hội và ý kiến thảo luận thống nhất của các Đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách tỉnh giai đoạn 2021-2025 tại Nghị quyết số 82/NQ-HĐND ngày 17 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân Thành phố, như sau:

1. Kế hoạch vốn đầu tư ngân sách cấp tỉnh bổ sung tăng 420.787 triệu đồng

cho 11 dự án tại các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân Tỉnh số: 76/NQ-HĐND ngày 09/12/2021; 125/NQ-HĐND ngày 04/11/2022 và 152/NQ-HĐND ngày 12/7/2023. Kế hoạch vốn sau bổ sung: 1.221.049 triệu đồng (Biểu số 01).

2. Sửa đổi Mục 4.1, Khoản 4, Điều 1, Nghị quyết số 82/NQ-HĐND:

Ý 2: “- Vốn đầu tư ngân sách cấp tỉnh: 800.262 triệu đồng” thành “- Vốn đầu tư ngân sách cấp tỉnh: 1.221.049 triệu đồng”.

Điều 2. Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách thành phố giai đoạn 2021-2025 tại Nghị quyết số 153/NQ-HĐND ngày 20 tháng 4 năm 2023 của Hội đồng nhân dân Thành phố, cụ thể:

1. Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn vốn ngân sách thành phố giai đoạn 2021-2025 được bổ sung tăng 61.700 triệu đồng từ nguồn bổ sung có mục tiêu ngân sách tỉnh cho 07 dự án xây mới trụ sở công an xã trên địa bàn thành phố Móng Cái (Biểu số 02).

- Kế hoạch vốn sau bổ sung 3.465.372 triệu đồng.

2. Một số nội dung điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn vốn ngân sách thành phố giai đoạn 2021-2025:

2.1. Điều chỉnh thông tin 01 dự án: có STT 7, Lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi và thủy sản, Biểu số 05, Nghị quyết số 153/NQ-HĐND:

Dự án Kè chắn sóng đầu Đông núi Giỏ (từ cuối núi Giỏ đến giáp bến Hèn), xã Vĩnh Thực, thành phố Móng Cái: Tổng mức đầu tư: 14.952 triệu đồng, trong đó: ngân sách thành phố: 2.952 triệu đồng. Nay điều chỉnh vốn ngân sách thành phố: 14.952 triệu đồng (tăng 12.000 triệu đồng).

2.2. Điều chỉnh giảm, tăng kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách Thành phố giai đoạn 2021-2025, như sau:

- Điều chỉnh giảm 109.880 triệu đồng Dự kiến cân đối nguồn cho các chương trình, dự án khởi công mới giai đoạn 2023 - 2025 cần hoàn thiện thủ tục đầu tư (98.846 triệu đồng) và 07 dự án (11.034 triệu đồng), tăng cho 12 dự án (Biểu số 03).

3. Sửa đổi, bổ sung nội dung Nghị quyết số 153/NQ-HĐND ngày 20 tháng 4 năm 2023, cụ thể:

3.1. Sửa đổi Khoản 3.1, Điều 1, Nghị quyết số 153/NQ-HĐND:

Nội dung	Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn ngân sách thành phố Móng Cái giai đoạn 2021-2025 (Đơn vị: Triệu đồng)		
	Kế hoạch tại Nghị quyết số 153/NQ-HĐND	Nội dung điều chỉnh	Kế hoạch sau điều chỉnh
Vốn đầu tư ngân sách thành phố Móng Cái	3.403.672	61.700	3.465.372
(1) Kế hoạch đã phân bổ năm 2021	576.623		576.623
- Công trình chuyển tiếp	167.125		167.125
- Công trình khởi công mới	409.498		409.498

Nội dung	Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn ngân sách thành phố Móng Cái giai đoạn 2021-2025 (Đơn vị: Triệu đồng)		
	Kế hoạch tại Nghị quyết số 153/NQ-HĐND	Nội dung điều chỉnh	Kế hoạch sau điều chỉnh
(2) Kế hoạch giai đoạn 2022-2025	2.827.049	61.700	2.888.749
(i1) Phân bổ cho các công trình chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025	219.875		219.875
(i2) Phân bổ cho các công trình khởi công mới giai đoạn 2021-2022	1.308.238	93.596	1.401.834
(i3) Phân bổ cho các công trình khởi công mới giai đoạn 2023-2025	377.388	5.250	382.638
(i4) Dự nguồn phân bổ cho các công trình quyết toán còn thiếu vốn	108.000		108.000
(i5) Dự kiến cân đối nguồn cho các chương trình, dự án khởi công mới giai đoạn 2023 - 2025 cần hoàn thiện thủ tục đầu tư	495.548	-37.146	458.402
(i6) Dự phòng Kế hoạch đầu tư công trung hạn	318.000		318.000

3.2. Sửa đổi Khoản 3.2, Điều 1, Nghị quyết số 153/NQ-HĐND:

STT	Nội dung	Kế hoạch giai đoạn 2021-2025 (Đơn vị: Triệu đồng)		
		Kế hoạch tại Nghị quyết số 153/NQ-HĐND	Nội dung Điều chỉnh	Kế hoạch sau điều chỉnh
	TỔNG SỐ	3.403.672	61.700	3.465.372
1	Các dự án, công trình chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025	387.000		387.000
2	Các dự án, công trình khởi công mới giai đoạn 2021-2022	1.717.736	93.596	1.811.332
3	Các dự án, công trình khởi công mới giai đoạn 2023-2025	377.388	5.250	382.638
4	Dự nguồn phân bổ cho các công trình quyết toán còn thiếu vốn	108.000		108.000
5	Dự kiến cân đối nguồn cho các chương trình, dự án khởi công mới giai đoạn 2023 - 2025 cần hoàn thiện thủ tục đầu tư	495.548	-37.146	458.402
6	Dự phòng Kế hoạch đầu tư công trung hạn	318.000		318.000

3.3. Sửa đổi Khoản 3.3, Điều 1, Nghị quyết số 153/NQ-HĐND:

Kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn vốn ngân sách thành phố giai đoạn

2021-2025 sau điều chỉnh, bổ sung:

(1) Dự án, công trình chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025: 42 dự án, công trình; kế hoạch là 387.000 triệu đồng (Biểu số 04).

(2) Dự án, công trình khởi công mới giai đoạn 2021-2025: 136 dự án, công trình; kế hoạch là 2.193.970 triệu đồng¹ (Biểu số 05).

(3) Dự kiến cân đối nguồn cho các chương trình, dự án khởi công mới giai đoạn 2023-2025 cần hoàn thiện thủ tục đầu tư: 458.402 triệu đồng (giảm 37.146 triệu đồng so với Nghị quyết số 153/NQ-HĐND).

Điều 3. Hội đồng nhân dân Thành phố giao:

1. Ủy ban nhân dân Thành phố tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết. chịu trách nhiệm toàn diện về số liệu, nội dung trình. Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm điểm tiến độ, chất lượng công trình, dự án và kiểm tra, giám sát, gắn trách nhiệm người đứng đầu, cơ quan, đơn vị và chủ đầu tư trong thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025; trong việc đề xuất và thực hiện các công trình, dự án đầu tư đã phê duyệt, nhất là chỉ đạo điều hành giải phóng mặt bằng, rà soát, đánh giá các hạng mục phá dỡ công trình hiện đang sử dụng (xác định giá trị còn lại của tài sản và phương án thu hồi vật liệu do phá dỡ, đảm bảo hiệu quả, tránh lãng phí; thực hiện phê duyệt điều chỉnh Quyết định phê duyệt dự án, bổ sung đầy đủ danh mục tài sản đề nghị thanh lý, đảm bảo công tác thanh lý thực hiện dự án đúng quy định); tháo gỡ những khó khăn vướng mắc nảy sinh trong quá trình thi công để đảm bảo đúng tiến độ, giải ngân theo chỉ đạo của Tỉnh, Thành phố. Thực hiện siết chặt kỷ luật, kỷ cương, thực hành tiết kiệm, chống thất thoát, lãng phí trong đầu tư công và xử lý nghiêm vi phạm; thường xuyên kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ các mục tiêu, hiệu quả sử dụng nguồn vốn đầu tư, bảo đảm công khai, minh bạch, không để xảy ra tiêu cực, lợi ích nhóm.

- Trong quá trình triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn, tiếp tục rà soát từng dự án với nguyên tắc đảm bảo hiệu quả đầu tư. Xem xét điều chỉnh những dự án dù đã được ghi trong danh mục, được ưu tiên, đã có chủ trương, nghị quyết nhưng không thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách Thành phố, không phát huy hiệu quả hoặc để xảy ra sai phạm, tiêu cực trong công tác quản lý thì không triển khai. Thực hiện chế độ báo cáo Hội đồng nhân dân Thành phố về tình hình thực hiện dự án theo quy định.

2. Các nội dung khác không quy định tại Điều 1 của Nghị quyết này thì thực hiện theo các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố số: 82/NQ-HĐND ngày 17 tháng 12 năm 2021; 93/NQ-HĐND ngày 12 tháng 4 năm 2022; 105/NQ-HĐND ngày 27 tháng 5 năm 2022; 122/NQ-HĐND ngày 22 tháng 7 năm 2022; 135/NQ-HĐND ngày 14 tháng 11 năm 2022; 144/NQ-HĐND ngày 15 tháng 12 năm 2022 và 153/NQ-HĐND ngày 20 tháng 4 năm 2023.

3. Thường trực, các Ban, các Tổ đại biểu và các đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

¹ Trong đó: năm 2021 là 409.498 triệu đồng; giai đoạn 2022-2025 là 1.784.472 triệu đồng.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố khóa XXI, nhiệm kỳ 2021- 2026, kỳ họp thứ 12 thông qua ngày 20 tháng 7 năm 2023 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua. *kh*

Nơi nhận:

- TT. HĐND và UBND tỉnh (B/c);
- Ban KT-NS HĐND Tỉnh;
- Các Sở: KHĐT, Tư pháp, Tài chính;
- TT: Thành ủy, HĐND và UBND Thành phố;
- Các đại biểu HĐND tỉnh ứng cử tại TP;
- UB MTTQ và các tổ chức CT-XH TP (P/h);
- VP Thành ủy và các Ban XDĐ;
- Các Ban, các đại biểu HĐND Thành phố;
- Các phòng, ban, cơ quan đơn vị thuộc TP;
- TT: HĐND, UBND các xã phường;
- Trung tâm TT và VH, công TTĐT TP;
- VP1, P1, P2, V2, V6, V8;
- Lưu: VT. *pb*

CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Đô

ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH NĂM 2021-2022 NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH TỈNH

(Kèm theo Nghị quyết số 163/NQ-HĐND ngày 20/7/2023 của HĐND thành phố Móng Cái)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	TÊN CÔNG TRÌNH	Quyết định đầu tư			Kế hoạch 2021-2022			Điều chỉnh 2022-2025	Kế hoạch 2021-2025 sau điều chỉnh			Ghi chú	
		Số	Ngày, tháng, năm	TMDT	Tổng số	Năm 2021	Năm 2022		Tổng số	Năm 2021	Năm 2022-2025		
	TỔNG CỘNG			2.503.747	800.262	540.262	260.000	420.787	1.221.049	540.262	680.787		
1	Dự án Phát triển các đô thị dọc hành lang tiêu vùng sông Mê Kông (GMS) lần thứ 2 - tỉnh Quảng Ninh	2683	15/9/2015	861.404	65.000	60.000	5.000			65.000	60.000	5.000	
2	Hệ thống điện chiếu sáng quốc lộ 18, đoạn từ Km 262+200 đến Km 272+00 thuộc địa bàn thành phố Móng Cái	4416	30/10/2018	10.002	225	225				225	225	0	
3	Mở rộng, nâng cấp cửa khẩu quốc tế Móng Cái, thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh	3391, 2410, 4688	30/10/2015, 29/7/2016, 21/12/2020	82.600	6.289	6.289				6.289	6.289	0	
4	Cải tạo, nâng cấp quốc lộ 18c đoạn từ trung tâm xã Hải Sơn, Pò Hèn, thành phố Móng Cái đến cửa khẩu Bắc Phong Sinh, huyện Hải Hà	4076; 5207	30/10/2017; 12/12/2019	86.822	14.594	14.594				14.594	14.594	0	
5	Đường kết nối từ đường cao tốc Vân Đồn - Móng Cái đến cảng Vạn Ninh (Vạn Gia) thành phố Móng Cái	4402	30/10/2018	521.115	355.000	200.000	155.000	116.000	471.000	200.000	271.000		
6	Chỉnh trang khu dân cư km3, phường Hải Yên, thành phố Móng Cái	4406	30/10/2018	131.773	154	154		2.087	2.241	154	2.087		
7	Cải tạo, nâng cấp đường từ xã Hải Tiến - Hồ Trảng Vinh đến Trạm Biên phòng Pò Hèn, xã Hải Sơn, thành phố Móng Cái	4369; 2534	16/10/2019; 31/8/2022	179.511	59.000	59.000				59.000	59.000	0	
8	Đường ven biển liên kết Khu kinh tế Vân Đồn với Khu kinh tế cửa khẩu Móng Cái, đoạn từ Cầu voi xã Vạn Ninh đến tỉnh lộ 335 (giai đoạn 1)	4486	12/4/2020	351.735	300.000	200.000	100.000	51.000	351.000	200.000	151.000		
9	Đầu tư xây dựng, nâng cấp Trường THPT Trần Phú, phường Ka Long, thành phố Móng Cái	4811	08/7/2022	200.000				190.000	190.000		190.000		
10	Xây mới Trụ sở Công an xã Hải Tiến, thành phố Móng Cái		10071; 30/11/2022	9.345				8.100	8.100		8.100		

(Chữ ký)

STT	TÊN CÔNG TRÌNH	Quyết định đầu tư			Kế hoạch 2021-2022			Điều chỉnh 2022-2025	Kế hoạch 2021-2025 sau điều chỉnh			Ghi chú
		Số	Ngày, tháng, năm	TMDT	Tổng số	Năm 2021	Năm 2022		Tổng số	Năm 2021	Năm 2022-2025	
11	Xây mới Trụ sở Công an xã Vạn Ninh, thành phố Móng Cái		10103; 02/12/2022; 3806; 13/7/2023	14.567				8.400	8.400	8.400		
12	Xây mới Trụ sở Công an xã Hải Sơn, thành phố Móng Cái		10072; 30/11/2022	9.071				7.900	7.900	7.900		
13	Xây mới Trụ sở Công an xã Vĩnh Trung, thành phố Móng Cái		10113; 05/12/2022	11.346				9.800	9.800	9.800		
14	Xây mới Trụ sở Công an xã Quảng Nghĩa, thành phố Móng Cái		10114; 05/12/2022	11.344		P		8.500	8.500	8.500		
15	Xây mới Trụ sở Công an xã Vĩnh Thực, thành phố Móng Cái		2926; 26/5/2023	11.808				9.700	9.700	9.700		
16	Xây mới Trụ sở Công an xã Hải Đông, thành phố Móng Cái		2925; 26/5/2023	11.303				9.300	9.300	9.300		

caif

BỘ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Nghị quyết số 163/NQ-HĐND ngày 20/7/2023 của HĐND thành phố Móng Cái)

Đơn vị tính: Triệu đồng



STT	TÊN CÔNG TRÌNH	Quyết định CTĐT/Quyết định đầu tư		Kế hoạch 2021-2025 đã được phê duyệt (nguồn sử dụng đất)		Bổ sung Kế hoạch 2021-2025 (nguồn tính hỗ trợ)		Điều chỉnh giảm Kế hoạch 2021-2025 (nguồn sử dụng đất)		Kế hoạch 2021-2025 sau điều chỉnh, bổ sung		Ghi chú		
		Số, ngày, tháng, năm	TMDT	Tổng số	Năm 2021	Năm 2022-2025	Tổng số	Năm 2021	Năm 2022-2025	Tổng số	Năm 2021		Năm 2022-2025	
	TỔNG CỘNG			78.784	78.784	79.490	0	79.490	61.700	0	61.700	79.490	0	79.490
1	Xây mới Trụ sở Công an xã Hải Tiến, thành phố Móng Cái	10071; 30/11/2022	9.345	9.345	8.900		8.900	8.100	8.100		8.100	8.900		8.900
2	Xây mới Trụ sở Công an xã Vạn Ninh, thành phố Móng Cái	10103; 02/12/2022 - 3806; 13/7/2023	14.567	14.567	14.900		14.900	8.400	8.400		8.400	14.900		14.900
3	Xây mới Trụ sở Công an xã Hải Sơn, thành phố Móng Cái	10072; 30/11/2022	9.071	9.071	8.400		8.400	7.900	7.900		7.900	8.400		8.400
4	Xây mới Trụ sở Công an xã Vĩnh Trung, thành phố Móng Cái	10113; 05/12/2022	11.346	11.346	11.400		11.400	9.800	9.800		9.800	11.400		11.400
5	Xây mới Trụ sở Công an xã Quảng Nghĩa, thành phố Móng Cái	10114; 05/12/2022	11.344	11.344	12.000		12.000	8.500	8.500		8.500	12.000		12.000
6	Xây mới Trụ sở Công an xã Vĩnh Thục, thành phố Móng Cái	2926; 26/5/2023	11.808	11.808	11.600		11.600	9.700	9.700		9.700	11.600		11.600
7	Xây mới Trụ sở Công an xã Hải Đông, thành phố Móng Cái	2925; 26/5/2023	11.303	11.303	12.290		12.290	9.300	9.300		9.300	12.290		12.290



ĐIỀU CHỈNH CÁC DỰ ÁN KHỞI CÔNG MỚI THUỘC KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Nghị quyết số 163/NQ-HĐND ngày 20/7/2023 của HĐND thành phố Móng Cái)

Biểu số 03

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	TÊN CÔNG TRÌNH	Số: ngày, tháng, năm		TMBT		Tổng số		Năm		Giảm		Tăng		Tổng số		Kế hoạch 2021-2025 sau điều chỉnh		Ghi chú	
		Quyết định CTĐT/Quyết định đầu tư		Tổng cộng	Trong đó: NSTP	Năm 2021	Năm 2022-2025	Năm 2021	Năm 2022-2025	Năm 2021	Năm 2022-2025	Năm 2021	Năm 2022-2025	Năm 2021	Năm 2022-2025				
		KH 2021-2025 phê duyệt tại NQ 82, 93, 104, 122, 144 và 153 của HĐND Thành phố		Điều chỉnh giai đoạn 2021-2025		Điều chỉnh giai đoạn 2021-2025		Kế hoạch 2021-2025 sau điều chỉnh											
TỔNG CỘNG																			
				521.793	496.793	921.448	66.113	855.335	109.880	0	109.880	109.880	0	109.880	921.448	66.113	855.335		
I	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021-2022			393.290	393.290	275.810	66.113	209.697	184	0	184	93.780	0	93.780	369.406	66.113	303.293		
1	Xây dựng Trạm y tế xã Hải Đông, thành phố Móng Cái	15221;	13/12/2021	5.094	5.094	4.930		4.930	184		184	0		4.746	0	4.746			
2	Xây dựng Trạm y tế xã Hải Xuân, thành phố Móng Cái	15225;	13/12/2021	5.106	5.106	4.730		4.730				80		4.810	0	4.810			
3	Sửa chữa, nâng cấp tuyến đường đi bến Cái Vĩnh và bến Cái Chàm, xã Vĩnh Trung	15238;	13/12/2021	14.311	14.311	13.220		13.220				200		13.420	0	13.420			
4	Nâng cấp, sửa chữa các công qua đường thuộc tuyến đường vào bản Lý Ló, thôn Thân Phấn, xã Bắc Sơn	15237;	13/12/2021	2.958	2.958	2.670		2.670				200		2.870	0	2.870			
5	Xây khu hiệu bộ và bộ sung các phòng học văn hóa, phòng chức năng trường TH Hải Yên	15223;	13/12/2021	25.983	25.983	23.400		23.400				600		24.000	0	24.000			
6	Xây dựng bộ sung phòng học, phòng hiệu bộ trường TH&THCS Vĩnh Trung	15234;	13/12/2021	20.395	20.395	18.360		18.360				1.500		19.860	0	19.860			
7	Xây dựng bộ sung phòng học, Khu hiệu bộ và nhà ăn trường Mầm non Bình Ngọc	15210;	13/12/2021	16.696	16.696	15.030		15.030				1.000		16.030	0	16.030			
8	Xây dựng khu nhà hiệu bộ, nhà học bộ môn, bộ sung phòng học trường THCS Hải Yên	9596;	04/12/2020	21.791	21.791	19.610	8.940	10.670				200		19.810	8.940	10.870			
9	Hạ tầng đất ở tái định cư tại Khu Thương Trung, phường Ninh Dương	152/NQ-HĐND;	20/4/2023	280.956	280.956	173.860	57.173	116.687				90.000		263.860	57.173	206.687			
II	Dự án khởi công mới giai đoạn 2023-2025			128.502	103.502	88.390	0	88.390	10.850	0	10.850	16.100	0	16.100	93.640	0	93.640		
1	Kè chắn sóng đầu Đông núi Giò (từ cuối núi Giò đến giáp bến Hèn), xã Vĩnh Thục, thành phố Móng Cái	10102;	02/12/2022	14.118	14.118	2.900		2.900				11.100		14.000	0	14.000			
2	Cải tạo, chỉnh trang khuôn viên Đài tưởng niệm các anh hùng liệt sỹ đồn biên phòng 209 Pò Hèn, xã Hải Sơn, thành phố Móng Cái	104/NQ-HĐND;	27/5/2022	31.100	6.100	6.000		6.000			6.000			0	0	0			
3	Xây mới Trụ sở Công an xã Hải Tiến, thành phố Móng Cái	10071;	30/11/2022	9.345	9.345	8.900		8.900				400		9.300	0	9.300			

STT	TÊN CÔNG TRÌNH	Quyết định CTĐT/Quyết định đầu tư			KH 2021-2025 phê duyệt tại NQ 82, 93, 104, 122, 144 và 153 của HĐND Thành phố			Điều chỉnh giai đoạn 2021-2025						Kế hoạch 2021-2025 sau điều chỉnh			Ghi chú
		Số; ngày, tháng, năm	TMDT		Tổng số	Năm 2021	Năm 2022-2025	Giảm			Tăng			Tổng số	Năm 2021	Năm 2022-2025	
			Tổng cộng	Trong đó: NSTP				Tổng số	Năm 2021	Năm 2022-2025	Tổng số	Năm 2021	Năm 2022-2025				
4	Xây mới Trụ sở Công an xã Vạn Ninh, thành phố Móng Cái	10103; 02/12/2022 - 3806; 13/7/2023	14.567	14.567	14.900	14.900	3.300	3.300						11.600	0	11.600	
5	Xây mới Trụ sở Công an xã Hải Sơn, thành phố Móng Cái	10072; 30/11/2022	9.071	9.071	8.400	8.400				600	600			9.000	0	9.000	
6	Xây mới Trụ sở Công an xã Vĩnh Trung, thành phố Móng Cái	10113; 05/12/2022	11.346	11.346	11.400	11.400	60	60						11.340	0	11.340	
7	Xây mới Trụ sở Công an xã Quảng Nghĩa, thành phố Móng Cái	10114; 05/12/2022	11.344	11.344	12.000	12.000	700	700						11.300	0	11.300	
8	Xây mới Trụ sở Công an xã Hải Đông, thành phố Móng Cái	2925; 26/5/2023	11.303	11.303	11.600	11.600	300	300						11.300	0	11.300	
9	Xây mới Trụ sở Công an xã Vĩnh Thực, thành phố Móng Cái	2926; 26/5/2023	11.808	11.808	12.290	12.290	490	490						11.800	0	11.800	
10	Xây mới trụ sở Ban chỉ huy quân sự phường Trà Cỏ, thành phố Móng Cái	3079; 05/6/2023	4.500	4.500						4.000	4.000			4.000	0	4.000	
II	Dự kiến cân đối nguồn cho các chương trình, dự án khởi công mới giai đoạn 2023 - 2025 cần hoàn thiện thủ tục đầu tư				557.248	557.248	98.846	98.846		0	0			458.402	0	458.402	

Handwritten signature

DANH MỤC CÁC DỰ ÁN CHUYÊN TIẾP SANG GIAI ĐOẠN 2021-2025 SAU ĐIỀU CHỈNH
(Kèm theo Nghị quyết số 163/NQ-HĐND ngày 20/7/2023 của HĐND thành phố Móng Cái)

Đơn vị: Triệu đồng

ST T	TÊN CÔNG TRÌNH	Phân loại dự án	Thời gian khởi công - hoàn thành	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư				Lấy kế vốn cấp đến hết KH 2020	Kế hoạch 2021-2025				Ghi chú
					Số: ngày, tháng, năm	TMĐT		Trong đó: NSTP		Số dự án	Tổng số	Năm 2021	Năm 2022-2025	
						Tổng cộng	Trong đó: NSTP							
TỔNG CỘNG														
1	Cải tạo nâng cấp tuyến cống thoát nước khu Hồng Phong, phường Ninh Dương, thành phố Móng Cái	C	2019 -2021	BQL dự án DTXD	6016; 29/10/19	1.183.909	941.570	485.358	42	387.000	167.125	219.875	0	
2	Xây dựng bổ sung khu nhà hiệu bộ và các phòng học bộ môn trường THCS Hải Tiến, thành phố Móng Cái	C	2019 -2020	BQL dự án DTXD	5057; 18/9/19	14.696	14.696	11.550	1	2.139	2.139	0	0	
3	Xây dựng bổ sung khu nhà hiệu bộ và các phòng học bộ môn trường THCS Hải Xuân, thành phố Móng Cái	C	2019 - 2021	BQL dự án DTXD	5882; 24/10/19	11.956	11.956	9.599	1	1.590	1.590	0	0	
4	Xây dựng hệ thống rãnh thoát nước dọc tại khu vực đông dân cư thuộc tuyến đường xuyên đảo xã Vĩnh Thực-Vĩnh Trung, thành phố Móng Cái	C	2019-2021	BQL dự án DTXD	5586; 11/10/19	8.996	8.996	7.340	1	1.150	1.150	0	0	
5	Gia cố đoạn xung yếu tuyến đê thôn 1 xã Quảng Nghĩa	C	2019 - 2021	BQL dự án DTXD	6115; 31/10/19	5.027	5.027	3.305	1	1.093	498	595	0	
6	Cải tạo, nâng cấp hồ Khe Cầu và liên kết với Hồ Cải Vĩnh, xã Vĩnh Trung, thành phố Móng Cái.	C	2019 - 2022	BQL dự án DTXD	6015; 29/10/19	12.971	12.971	7.609	1	5.300	300	5.000	0	
7	Hoàn trả kinh phí cho nhà đầu tư thực hiện dự án Dầu tư xây dựng cầu phao tạm trên sông Ka Long và các hạng mục công trình đảm bảo hoạt động của cầu phao tạm Km3+Km4, phường Hải Yên, TP Móng Cái (Hợp đồng xây dựng - Chuyển giao - Thuê dịch vụ (BTL))	C	2018-2019	BQL dự án DTXD	140; 8/6/2017	173.334	154.909	69.999	1	72.500	31.000	41.500	0	
8	Trường THCS Bình Ngọc	C	2019-2021	BQL dự án DTXD	5163; 23/9/19	37.082	37.082	26.516	1	10.000	10.000	0	0	
9	Trường mầm non Hải Yên	C	2019-2021	BQL dự án DTXD	6112; 31/10/19	34.116	34.116	9.380	1	24.700	11.120	13.580	0	
10	Sửa chữa một số hạng mục Trung tâm truyền thông và văn hóa	C	2019-2021	BQL dự án DTXD	4925; 10/9/19	11.083	11.083	9.100	1	1.756	800	956	0	
11	Chinh trang khu dân cư km3, phường Hải Yên, thành phố Móng Cái	C	2019-2020	UBND thành phố MC	4406; 30/10/18	131.773	39.532	19.000	1	7.228	1.000	6.228	0	
12	Hạ tầng Khu dân cư Bắc Đại lộ Hoà Bình, thành phố Móng Cái	C	2018-2022	BQL dự án DTXD	3646; 1/8/18	175.558	175.558	73.866	1	76.100	50.230	25.870	0	
13	Mở rộng tuyến đường phố Thăng Lợi, phường Trần Phú	C	2018 - 2020	BQL dự án DTXD	5461; 30/10/18	6.705	6.705	4.800	1	800	800	0	0	
14	Hạ tầng khu tái định cư thôn 5, xã Hải Xuân	C	2018-2021	BQL dự án DTXD	4998; 1/10/18	59.931	59.931	34.000	1	25.000	12.600	12.400	0	



(Handwritten signature)

ST T	TÊN CÔNG TRÌNH	Phân loại dự án	Thời gian khởi công - hoàn thành	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư		Lũy kế vốn cấp đến hết KH 2020	Kế hoạch 2021-2025				Ghi chú	
					Số; ngày, tháng, năm	Tổng cộng		TMDT	Số dự án	Tổng số	Năm 2021		Năm 2022-2025
15	Xây mới Trụ sở UBND xã Quảng Nghĩa	C	2019-2022	BQL dự án ĐTXD	5918; 28/10/19	12.454	12.454	1	1.890	200	1.690		
16	Xây dựng hồ chứa nước Đầm Ván, xã Vĩnh Thực, thành phố Móng Cái	C	2016 - 2017	BQL dự án ĐTXD	5381; 29/10/18	14.950	14.950	1	5.850	800	5.050		
17	Hạ tầng Khu xử lý rác thải sinh hoạt tại xã Vĩnh Trung, Vĩnh Thực, thành phố Móng Cái	C	2015 - 2016	BQL dự án ĐTXD	5181; 03/12/15	6.526	6.526	1	3.900		3.900		
18	Cấp nước tập trung liên xã Hải Xuân - Vạn Ninh, thành phố Móng Cái	C	2018-2021	BQL dự án ĐTXD	5488; 31/10/18	26.082	26.082	1	4.537		4.537		
19	Hỗ trợ xây dựng khu căn cứ chiến đấu thành phố Móng Cái (Hang mục Đường cơ động vào thao trường và Sở chỉ huy diễn tập thành phố Móng Cái)	C	2018 - 2020	BQL dự án ĐTXD	5228a; 31/10/17	10.000	10.000	1	4.310	4.310	0		
20	Cải tạo, nâng cấp đường từ Trung tâm xã Hải Tiến - Hồ Tràng Vĩnh đến trạm Biến phòng Pò Hèn, xã Hải Sơn, thành phố Móng Cái	C	2020-2021	UBND thành phố MC	4369; 16/10/2019; 2534; 31/8/2022	179.511	109.511	1	85.688	22.524	63.164		
21	Quy hoạch phân khu XD tỷ lệ 1/2000 Khu đô thị vành đai 2-3 (Khu A2) thuộc khu kinh tế cửa khẩu MC	C	2017	BQL dự án ĐTXD	323; 25/1/17	5.733	5.733	1	3.500		3.500		
22	Quy hoạch phân khu XD tỷ lệ 1/2000 Khu công nghiệp Hải Yên và xã Hải Xuân (ký hiệu A3) thuộc khu kinh tế cửa khẩu MC	C	2017	BQL dự án ĐTXD	4337; 23/12/16	12.046	12.046	1	6.000		6.000		
23	Quy hoạch phân khu XD tỷ lệ 1/2000 Khu du lịch Trà cổ - Bình Ngọc (khu A6 và một phần khu A5.3) thuộc khu kinh tế cửa khẩu MC	C	2017	BQL dự án ĐTXD	4399; 27/12/16	6.216	6.216	1	4.000		4.000		
24	Quy hoạch phân khu XD tỷ lệ 1/2000 khu E-E1.1 - Khu vực phát triển kinh tế xã hội vùng biên gần với an ninh quốc phòng tại xã Bắc Sơn, thành phố Móng Cái thuộc khu kinh tế cửa khẩu Móng Cái dân cư hiện hữu (ký hiệu C3)	C	2017	BQL dự án ĐTXD	322; 25/1/17	917	917	1	900		900		
25	Quy hoạch phân khu XD tỷ lệ 1/2000 khu E-E1.3 - Khu vực phát triển kinh tế xã hội vùng biên gần với an ninh quốc phòng tại xã Hải Sơn, thành phố Móng Cái	C	2017	BQL dự án ĐTXD	346; 25/1/17	1.480	1.480	1	900		900		
26	GPMB nhà văn hóa xã Hải Sơn, thành phố Móng Cái	C	2020-2021		1951; 19/3/21	663	663	1	263	263	0		
27	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông liên phường Hải Yên - Ninh Dương, thành phố Móng Cái (Đường 4B cũ)	C	2017 - 2018	BQL dự án ĐTXD	4819; 31/10/16	39.200	39.200	1	900	900	0		
28	Khu dân cư kiểu mẫu phường Ka Long	C	2019-2021	UBND phường Ka Long	86b; 15/10/18	368	368	1	29	29	0		
29	Thôn nông thôn mới nâng cao thôn Đông, xã Vạn Ninh	C	2020-2021	UBND xã Vạn Ninh	70; 28/10/19	1.605	1.605	1	147	147	0		
30	Thôn nông thôn mới nâng cao thôn Trung, xã Vạn Ninh	C	2020-2021	UBND xã Vạn Ninh	71; 28/10/19	1.918	1.918	1	272	272	0		

aud

ST T	TÊN CÔNG TRÌNH	Phân loại dự án	Thời gian khởi công - hoàn thành	Chú đầu tư	Quyết định đầu tư				Lấy kế vốn cấp đến hết KH 2020	Kế hoạch 2021-2025				Ghi chú
					Số: ngày, tháng, năm	TMDT		Trong đó: NSTP		Số dự án	Tổng số	Năm 2021	Năm 2022- 2025	
						Tổng cộng	Trong đó:							
31	Khảo sát, lập Quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 khu trung tâm đô thị hiện hữu (ký hiệu A1) thuộc khu kinh tế cửa khẩu Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh	C	2017	BQL dự án DTXD	4341; 23/12/16	1.756	1.756	650	1	910	910	0		
32	Khảo sát, lập Quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 khu trung tâm đô thị tích hợp mới (ký hiệu C1) thuộc khu kinh tế cửa khẩu Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh	C	2017	BQL dự án DTXD	4339; 23/12/16	3.299	3.299	889	1	2.140	2.140	0		
33	Khảo sát, lập Quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 khu trung tâm đô thị tích hợp mới (ký hiệu C2) thuộc khu kinh tế cửa khẩu Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh	C	2017	BQL dự án DTXD	4340; 23/12/17	4.966	4.966	2.490	1	1.970	1.970	0		
34	Khảo sát, lập Quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 khu dân cư hiện hữu (ký hiệu C3) thuộc khu kinh tế cửa khẩu Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh	C	2017	BQL dự án DTXD	4342; 23/12/16	10.780	10.780	6.327	1	3.930	3.930	0		
35	Xây dựng trụ sở Cảnh sát đường thủy tại phường Ka Long, thành phố Móng Cái	C	2020-2020	BQL dự án DTXD	5053; 16/9/19	1.493	1.493	1.180	1	162	162			
36	Nâng cấp trụ sở HĐND - UBND thành phố Móng Cái	C	2018 - 2020	BQL dự án DTXD	5178; 27/10/17	13.044	13.044	11.520	1	454	454	0		
37	Mở rộng, nâng cấp đường từ ngã 5 Ninh Dương - Cầu Voi, thành phố Móng Cái	C	2012-2013	BQL dự án DTXD	3367; 18/10/12	34.901	34.901	28.342	1	962	195	767		
38	Nâng cấp mặt đường, cải tạo vỉa hè một số tuyến nội thị khu Đông Bắc chợ, phường Trần Phú	C	2018 - 2020	BQL dự án DTXD	5062; 25/10/17	14.117	10.191	7.349	1	87	87	0		
39	Hồ chứa nước Cải Vĩnh xã Vĩnh Trung	C	Theo kế hoạch bố trí vốn	BQL dự án DTXD	6904; 26/12/13	14.367	14.367	8.431	1	5.680	980	4.700		
40	Chỉnh trang, cải tạo trục đường chính phường Trà Cỏ, thành phố Móng Cái	C	2016 - 2017	BQL dự án DTXD	4808; 31/10/16	14.435	14.435	3.000	1	3.230	3.230	0		
41	Nâng cấp đại lộ Hòa Bình, đoạn từ km2 đến cầu Hòa Bình	C		UBND thành phố MC	1704; 01/6/2005	54.238	5.897	2.506	1	454		454		
42	San nền phần diện tích mở rộng bệnh viện đa khoa khu vực Móng Cái	C		UBND thành phố MC	2062; 11/6/2010 3139; 16/9/2010; 5298; 30/12/2011; 5844; 31/12/2015	9.406		8.165	1	756		756		
43	Dự nguồn phân bổ cho các công trình quyết toán còn thiếu vốn									13.428		13.428		

Handwritten signature

DANH MỤC CÁC DỰ ÁN KHỞI CÔNG MỚI GIAI ĐOẠN 2021-2025 SAU ĐIỀU CHỈNH
(Kèm theo Nghị quyết số 163/NQ-HĐND ngày 20/7/2023 của HĐND thành phố Mong Cai)

Đơn vị: Triệu đồng



STT	Mô tả dự án	Số dự án	Phân loại dự án	Thời gian khởi công - hoàn thành	Nội dung thiết kế	Chủ đầu tư	QĐ phê duyệt CTD/ phê duyệt DA	Tổng mức đầu tư		KH 2021-2025		Ghi chú			
								Tổng số	T trong đó: NSTP	Tổng số	Năm 2021		2022-2025		
TỔNG CỘNG								136	111.602	111.602	88.473	15.000	409.498	1.784.472	
I	Lĩnh vực Lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi và thủy sản	7						111.602	111.602	88.473	15.000	409.498	1.784.472		
1	Tu bổ, nâng cấp đê Ông Tam, xã Hải Đông, thành phố Mong Cai, tỉnh Quảng Ninh.	1	C	12/2019-12/2022	L = 0,9 km	BQL dự án DTXD	1799; 06/3/2020	31.213	31.213	28.090	7.000	21.090			
2	Sửa chữa, nâng cấp đê từ Cầu Voi xã Vạn Ninh đến Miếu Tàu phường Ninh Dương, thành phố Mong Cai	1	C	12/2019-12/2022	L = 1,3 km	BQL dự án DTXD	2122; 20/3/2020	25.301	25.301	22.770	8.000	14.770			
3	Dự án sửa chữa diêm sạt lờ đê thôn 8, xã Hải Xuân	1	C	2022-2023	Xây dựng kè ôp mái L=81m; Gia cố chân đê L=75m	BQL dự án DTXD	14881; 06/12/2021	6.329	6.329	5.700		5.700			
4	Làm mới công đê đê Hàn, xã Vĩnh Trung	1	C	2022-2023	Xây mới 01 công; sửa chữa 02 công	BQL dự án DTXD	15239; 13/12/2021	3.261	3.261	2.935		2.935			
5	Nạo vét sông Mãn Thi, đoạn từ cửa sông (vị trí phân lưu giữa sông Sâu và sông Mãn Thi) lờ cầu Trà Bình, xã Hải Xuân và phường Bình Ngọc thành phố Mong Cai	1	C	2022-2023	Nạo vét lòng sông S=22,5ha	BQL dự án DTXD	14847; 03/12/2021	29.856	29.856	14.288		14.288			
6	Sửa chữa, nâng cấp công đê biển thôn 2 và thôn 5 xã Hải Đông	1	C	2022	Sửa chữa Công đê đê thôn 2, thôn 5, thay cảnh công, hàng rào, bóc dỡ kè sắt	UBND xã Hải Đông	3496; 20/5/2022	691	691	690		690			
7	Kè chắn sóng đầu Đông núi Giò (từ cuối núi Giò đến giáp bên Hèn), xã Vĩnh Thục, thành phố Mong Cai	1	C	2023-2025		BQL dự án DTXD	134/NQ-HĐND; 14/11/2022	14.952	14.952	14.000		14.000			
II Lĩnh vực Giao thông vận tải								8	1.023.461	129.558	122.623	0	122.623		
1	Nâng cấp đường vào trung tâm xã Quảng Nghĩa	1	C	2022-2024	L = 1,895 km	BQL dự án DTXD	15215; 13/12/2021	27.900	27.900	25.110		25.110			
2	Sửa chữa các ngầm tràn thuộc tuyến dẫn vào rừng phòng hộ thôn Pec Nà, xã Bắc Sơn	1	C	2022-2023	Sửa chữa đường dẫn, ngầm tràn 63,7m	BQL dự án DTXD	15236; 13/12/2021	2.245	2.245	2.123		2.123			
3	Nâng cấp, sửa chữa các công qua đường thuộc tuyến đường vào bản Lý Lố, thôn Thân Phú, xã Bắc Sơn	1	C	2022-2023	Sửa chữa đường dẫn, ngầm tràn 71 m; xử lý 01 công	BQL dự án DTXD	15237; 13/12/2021	2.958	2.958	2.870		2.870			
4	Sửa chữa, nâng cấp tuyến đường đi bên Cầu Vĩnh và bên Cầu Châm, xã Vĩnh Trung	1	C	2022-2024	L = 2,1 km	BQL dự án DTXD	15238; 13/12/2021	14.311	14.311	13.420		13.420			
5	Cải tạo một số tuyến phố phường Ka Long, Ninh Dương, Hải Yên	1	C	2023-2025		BQL dự án DTXD	120/NQ-HĐND; 22/7/2022	17.500	17.500	15.800		15.800			
6	Thảm nhựa đường Doan Tỉnh, phường Hải Yên	1	C	2023-2025		BQL dự án DTXD	120/NQ-HĐND; 22/7/2022	10.500	10.500	9.500		9.500			

STT	Tên dự án	Số dự án	Phân loại dự án	Thời gian khởi công - hoàn thành	Năng lực thiết kế	Chủ đầu tư	QĐ phê duyệt CTD/pha duyệt DA	Tổng mức đầu tư		KH 2021-2025		Ghi chú
								Tổng số	Trong đó: NSTP	Tổng số	Năm 2021	
7	Nâng cấp mặt đường một số tuyến phố khu Hòa Bình, khu Thọ Xuân, phường Hòa Lạc	1	C	2023-2025		BQL dự án ĐTXD	120/NQ-HDND; 22/7/2022	4.144	4.144	3.800		3.800
8	Đường nối từ cửa khẩu Bắc Luân I (vòng xuyên bùng binh Ngán hàng nông nghiệp) đi nút giao cầu Bà Mai, thành phố Móng Cái	1	B	2023-2026		BQL dự án ĐTXD	134/NQ-HDND; 14/11/2022	943.903	50.000	50.000		50.000
III	Lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo	15						581.063	485.063	464.536	39.131	425.405
1	Xây dựng khu nhà hiệu bộ, nhà học bộ môn, bổ sung phòng học trường THCS Hải Yên	1	C	2021-2023	Xây nhà học 03 tầng 18 phòng học; xây nhà hiệu bộ 03 tầng	BQL dự án ĐTXD	9596; 04/12/2020	21.791	21.791	19.810	8.940	10.870
2	Xây dựng bổ sung phòng học trường tiểu học Hải Hòa	1	C	2021-2023	Xây nhà học 03 tầng 21 phòng học; xây nhà hiệu bộ 03 tầng	BQL dự án ĐTXD	9447; 03/12/2020	24.434	24.434	23.290	16.691	6.599
3	Xây dựng nhà ăn Trường tiểu học Ka Long	1	C	2021-2022	Xây dựng nhà ăn 03 tầng	BQL dự án ĐTXD	7492; 30/09/2020	13.219	7.219	7.219	3.219	4.000
4	Khu nhà học lý thuyết 03 tầng, Trường tiểu học Ninh Dương, thành phố Móng Cái	1	C	12/2019 - 12/2022	Xây nhà học 03 tầng 18 phòng học	BQL dự án ĐTXD	1981; 16/03/2020	19.760	19.760	16.357	10.281	6.076
5	Xây khu hiệu bộ và bổ sung các phòng học văn hóa, phòng chức năng trường TH Hải Yên	1	C	2022-2024	Xây nhà học 03 tầng 18 phòng học; xây nhà hiệu bộ 03 tầng	BQL dự án ĐTXD	15223; 13/12/2021	25.983	25.983	24.000		24.000
6	Xây dựng bổ sung phòng học và sửa chữa khu nhà học chức năng thành phố Móng Cái	1	C	2022-2024	Xây nhà học 03 tầng 18 phòng học; Cải tạo nhà hiệu bộ 02 tầng	BQL dự án ĐTXD	15224; 13/12/2021	25.098	25.098	23.400		23.400
7	Xây bổ sung phòng học, sửa chữa khu nhà học, nhà hiệu bộ trường Tiểu học Lý Tự Trọng	1	C	2022-2024	Xây nhà học 04 tầng; Xây mới nhà cầu 02 tầng và các hạng mục phụ trợ khác	BQL dự án ĐTXD	15213; 13/12/2021	40.014	40.014	38.910		38.910
8	Xây dựng bổ sung phòng học và cải tạo bếp ăn trường Mầm non Hai Xuân thành phố Móng Cái	1	C	2022-2024	Xây dựng nhà học 03 tầng; Cải tạo, mở rộng nhà bếp ăn; Xây mới 02 nhà cầu và các hạng mục phụ trợ khác	BQL dự án ĐTXD	15227; 13/12/2021	17.400	17.400	15.660		15.660
10	Xây dựng bổ sung phòng học, phòng hiệu bộ trường TH&THCS Vĩnh Trung	1	C	2022-2024	Xây dựng nhà học 03 tầng	BQL dự án ĐTXD	15234; 13/12/2021	20.395	20.395	19.860		19.860
12	Xây dựng bổ sung phòng học, Khu hiệu bộ và nhà ăn trường Mầm non Bình Ngọc	1	C	2022-2024	Xây dựng nhà học 02 tầng; Khôi nhà hiệu bộ 02; nhà bếp 01 tầng	BQL dự án ĐTXD	15210; 13/12/2021	16.696	16.696	16.030		16.030
14	Đầu tư xây dựng, nâng cấp Trường THPT Trần Phú, phường Ka Long, thành phố Móng Cái	1	B	2022-2024		UBND thành phố Móng Cái	4811; 08/7/2022	200.000	200.000	200.000		200.000
16	Xây dựng, nâng cấp Trường THCS Ninh Dương, phường Ninh Dương	1	B	2023-2026		UBND thành phố Móng Cái	120/NQ-HDND; 22/7/2022	94.180	4.180	4.000		4.000

STT	Tên dự án	Số dự án	Phân loại dự án	Thời gian khởi công - hoàn thành	Năng lực thiết kế	Chủ đầu tư	QĐ phê duyệt CTBT/phê duyệt DA	Tổng mức đầu tư			KH 2021-2025		Chi chú
								Tổng số	Trong đó: NSTP	Tổng số	Năm 2021	2022-2025	
18	Xây mới, nâng cấp phòng học Trường tiểu học Đào Phúc Lộc, phường Trần Phú	1	C	2023-2025		BQL dự án DTXD	120/NQ-HDND; 22/7/2022	40.285	40.285	36.300		36.300	
20	Xây khu hiệu bộ trường tiểu học Ninh Dương, phường Ninh Dương	1	C	2023-2025		BQL dự án DTXD	120/NQ-HDND; 22/7/2022	16.208	16.208	14.600		14.600	
22	Xây dựng Trường mầm non Hải Yên giai đoạn 2	1	C	2023-2025		BQL dự án DTXD	120/NQ-HDND; 22/7/2022	5.600	5.600	5.100		5.100	
IV	Lĩnh vực Văn hóa, thông tin, du lịch	1						9.662	9.662	9.200	6.259	2.941	
1	Biển tên khu du lịch quốc gia Trà Cỏ, Móng Cái, Quảng Ninh	1	C	02/6/2021 - 30/9/2021	Xây dựng biển tương và các hạng mục phụ trợ	BQL dự án DTXD	9604; 04/12/2020	9.662	9.662	9.200	6.259	2.941	
V	Lĩnh vực Y tế	2						10.200	10.200	9.556	0	9.556	
1	Xây dựng Trạm y tế xã Hải Đông, thành phố Móng Cái	1	C	2022-2023	Xây dựng nhà làm việc 02 tầng và các hạng mục phụ trợ	BQL dự án DTXD	15221; 13/12/2021	5.094	5.094	4.746		4.746	
2	Xây dựng Trạm y tế xã Hải Xuân, thành phố Móng Cái	1	C	2022-2024	Xây dựng nhà làm việc 02 tầng và các hạng mục phụ trợ	BQL dự án DTXD	15225; 13/12/2021	5.106	5.106	4.810		4.810	
VI	Lĩnh vực Công nghiệp	4						30.263	30.263	28.005	0	28.005	
1	Đầu tư hệ thống chiếu sáng khu dân cư thôn 9, 10, xã Hải Đông, thành phố Móng Cái	1	C	2022-2023	Đầu tư mới tuyến điện chiếu sáng có chiều dài tuyến khoảng 3250,0 m	Phòng Quản lý đô thị	71/NQ-HDND; 10/11/2021	3.800	3.800	2.490		2.490	
2	Đầu tư đường điện và trạm biến áp ra ngọn Hải Đăng Vĩnh Thực, thành phố Móng Cái	1	C	2023-2025		BQL dự án DTXD	120/NQ-HDND; 22/7/2022	9.400	9.400	8.455		8.455	
3	Thay thế hệ thống chiếu sáng công cộng hiện hữu sử dụng bóng Sodium bằng hệ thống đèn Led tiết kiệm điện trên địa bàn thành phố Móng Cái	1	C	2023-2024		BQL dự án DTXD	134/NQ-HDND; 14/11/2022	10.000	10.000	10.000		10.000	
4	Đầu tư hệ thống chiếu sáng đường trục chính khu dân cư từ thôn 7 đi thôn 2, xã Hải Đông, thành phố Móng Cái	1	C	2023-2024		BQL dự án DTXD	134/NQ-HDND; 14/11/2022	7.063	7.063	7.060		7.060	
VII	Lĩnh vực Cấp nước, thoát nước và xử lý rác thải, nước thải	2						5.641	5.641	5.140	1.410	3.730	
1	Tuyến rãnh thoát nước mặt khu dân cư tổ 5, khu 7, phường Hải Yên, thành phố Móng Cái	1	C	2020-2021	L=350 m	BQL dự án DTXD	9615; 04/12/2020	1.492	1.492	1.410		1.410	0
2	Xây dựng bổ sung hệ thống cấp nước sạch tại thôn Thới Phi xã Vạn Ninh, thôn 4 xã Hải Xuân thành phố Móng Cái	1	C	2022-2023	L=5,61 km	BQL dự án DTXD	15235; 13/12/2021	4.149	4.149	3.730		3.730	
VIII	Lĩnh vực Hạ tầng	18						1.222.739	1.222.738	1.122.741	306.734	816.007	
1	Cải tạo, chỉnh trang đô thị tuyến Đại lộ Hòa Bình (đoạn từ Cửa khẩu Quốc tế Móng Cái đến Vòng Xuyến đi Trà Cỏ), thành phố Móng Cái	1	B	2021-2023	L=1,348 km	BQL dự án DTXD	10305; 21/12/2020; 8748; 07/10/2022	87.996	87.996	83.660		24.000	59.660

STT	Tên dự án	Số dự án	Phân loại dự án	Thời gian khởi công - hoàn thành	Năng lực thiết kế	Chủ đầu tư	QĐ phê duyệt CTD/pha duyệt DA	Tổng mức đầu tư		KH 2021-2025		Ghi chú
								Tổng số	Trong đó: NSTP	Tổng số	Năm 2021	
2	Hạ tầng khu tái định cư tại phường Hải Hòa, thành phố Móng Cái	1	B	2020-2023	S = 6,1 ha	BQL dự án ĐTXD	9563; 03/12/2020	109.707	109.707	98.740	34.865	63.875
3	Cải tạo, sửa chữa tuyến đường dạo ven biển Trà Cổ, phường Trà Cổ, thành phố Móng Cái (Đoạn từ ngã ba ông Thái đến Dự án Khu đô thị và Khu du lịch cao cấp Trà Cổ)	1	B	2021-2023	L = 2,0km	BQL dự án ĐTXD	10304; 21/12/2020	153.537	153.537	138.180	50.000	88.180
4	Hạ tầng đất ở tái định cư tại khu 5, phường Hải Yên, thành phố Móng Cái	1	B	2021-2024	S = 9,7ha	BQL dự án ĐTXD	10302; 21/12/2020	131.304	131.304	120.345	35.560	84.785
5	Hạ tầng đất ở tại Khu 7, phường Ka Long, thành phố Móng Cái	1	C	2020-2021	S = 0,2 ha	BQL dự án ĐTXD	9240; 27/11/2020	2.089	2.089	1.866	1.436	430
6	Hạ tầng Khu dân cư tại khu Hạ Long, phường Ninh Dương	1	B	2021-2024	S = 9,85ha	BQL dự án ĐTXD	10303; 21/12/2020	170.250	170.250	153.230	42.200	111.030
7	Hạ tầng đất ở tái định cư phục vụ các dự án phát triển kinh tế xã hội tại trên địa bàn phường Hải Yên	1	C	2020-2023	S = 4,4 ha	BQL dự án ĐTXD	9598; 04/12/2020	67.267	67.267	60.540	30.000	30.540
8	Hạ tầng khu quy hoạch di chuyển các doanh nghiệp bị ảnh hưởng bởi dự án khu đô thị mới Ninh Dương tại phường Ninh Dương, phường Hải Yên, thành phố Móng Cái	1	B	2020-2023	S = 10,22 ha	BQL dự án ĐTXD	9599; 04/12/2020	108.512	108.512	97.660	31.500	66.160
9	Hạ tầng đất ở tái định cư tại khu Thương Trung, phường Ninh Dương	1	B	2021-2023	S = 10,7 ha	BQL dự án ĐTXD	152/NQ-HĐND; 20/4/2023	280.956	280.956	263.860	57.173	206.687
10	Điểm tái định cư đường cao tốc Vân Đồn - Móng Cái tại khu Hồng Kỳ phường Ninh Dương thành phố Móng Cái	1	C	2022-2024	S = 2,15ha	BQL dự án ĐTXD	15228; 13/12/2021	25.235	25.235	22.710		22.710
11	Điểm tái định cư đường cao tốc Vân Đồn - Móng Cái tại khu Hòa Bình, phường Ninh Dương thành phố Móng Cái	1	C	2022-2023	S = 0,5 ha	BQL dự án ĐTXD	15226; 13/12/2021	6.233	6.233	5.790		5.790
12	Hạ tầng điểm dân cư khu Cửa Điền, phường Ninh Dương, thành phố Móng Cái	1	C	2022-2024	S = 1,43 ha	BQL dự án ĐTXD	15214; 13/12/2021	18.180	18.180	16.360		16.360
13	Dự án tái định cư tại khu 7, phường Hải Yên, thành phố Móng Cái	1	C	2023-2024		BQL dự án ĐTXD	134/NQ-HĐND; 14/11/2022	1.210	1.210	1.200		1.200
14	Dự án tái định cư Lô - X, tại khu 7, phường Hải Yên, thành phố Móng Cái	1	C	2023-2025		BQL dự án ĐTXD	134/NQ-HĐND; 14/11/2022	30.882	30.882	30.800		30.800
15	Khu dân cư nông thôn mới tại thôn Thán Phú Xã, xã Hải Sơn, thành phố Móng Cái	1	C	2023-2025		BQL dự án ĐTXD	701; 15/2/2023	4.590	4.590	4.300		4.300
16	Khu dân cư nông thôn mới tại thôn Thán Phú Xã, xã Hải Sơn, thành phố Móng Cái	1	C	2023-2025		BQL dự án ĐTXD	678; 14/2/2023	9.000	9.000	8.500		8.500
17	Khu dân cư nông thôn mới tại thôn Pò Hên, xã Hải Sơn, thành phố Móng Cái	1	C	2023-2025		BQL dự án ĐTXD	674; 14/2/2023	9.790	9.790	9.300		9.300
18	Khu dân cư nông thôn mới tại thôn Lạc Phú, xã Bắc Sơn, thành phố Móng Cái	1	C	2023-2025		BQL dự án ĐTXD	513; 02/2/2023	6.000	6.000	5.700		5.700
IX	Lĩnh vực Quốc phòng, an ninh	12						179.621	154.621	139.250	15.000	124.250

STT	Tên dự án	Số dự án	Phân loại dự án	Thời gian khởi công - hoàn thành	Năng lực thiết kế	Chủ đầu tư	QĐ phê duyệt CTD/ phê duyệt DA	Tổng mức đầu tư		KH 2021-2025		Ghi chú	
								Tổng số	Trong đó: NSTP	Tổng số	Năm 2021		2022-2025
1	Công trình Quốc phòng trong Căn cứ chiến đấu thành phố Móng Cái (giai đoạn I)	1	C	2022-2023	Dương hàm chỉ huy, đường công vụ cơ động, nhà bán âm 3 gian, ụ súng	BCH quân sự TPMC	120; 09/6/2021	42.953	42.953	38.660	15.000	23.660	
2	Xây dựng kho đạn hỏa lực thành phố Móng Cái	1	C	2022-2023	Nhà kho đạn hỏa lực mái bằng 1 tầng và các hạng mục phụ trợ	BCH quân sự TPMC	97; 20/5/2022	3.404	3.404	3.400		3.400	
3	Xây mới Trụ sở Công an xã Bắc Sơn, thành phố Móng Cái	1	C	2022-2023	Xây dựng nhà làm việc 03 tầng và các hạng mục phụ trợ	BQL dự án DTXD	15230; 13/12/2021	8.812	8.812	8.100		8.100	
4	Xây mới Trụ sở Công an xã Hải Xuân, thành phố Móng Cái	1	C	2022-2023	Xây dựng nhà làm việc 03 tầng và các hạng mục phụ trợ	BQL dự án DTXD	15222; 13/12/2021	10.066	10.066	9.450		9.450	
5	Cải tạo, chỉnh trang khuôn viên Đài tưởng niệm các anh hùng liệt sỹ đền biên phòng 209 Pò Hên, xã Hải Sơn, thành phố Móng Cái		C	2022-2024		BQL dự án DTXD	104/NQ-HDND; 27/5/2022	31.100	6.100	0		0	
6	Xây mới Trụ sở Công an xã Hải Tiến, thành phố Móng Cái	1	C	2023-2025		BQL dự án DTXD	10071; 30/11/2022	9.346	9.346	9.300		9.300	
7	Xây mới Trụ sở Công an xã Vạn Ninh, thành phố Móng Cái	1	C	2023-2025		BQL dự án DTXD	10103; 02/12/2022 - 3806; 13/7/2023	14.567	14.567	11.600		11.600	
8	Xây mới Trụ sở Công an xã Hải Sơn, thành phố Móng Cái	1	C	2023-2025		BQL dự án DTXD	10072; 30/11/2022	9.072	9.072	9.000		9.000	
9	Xây mới Trụ sở Công an xã Vĩnh Trung, thành phố Móng Cái	1	C	2023-2025		BQL dự án DTXD	10113; 05/12/2022	11.346	11.346	11.340		11.340	
10	Xây mới Trụ sở Công an xã Quảng Nghĩa, thành phố Móng Cái	1	C	2023-2025		BQL dự án DTXD	10114; 05/12/2022	11.344	11.344	11.300		11.300	
11	Xây mới Trụ sở Công an xã Hải Đông, thành phố Móng Cái	1	C	2023-2025		BQL dự án DTXD	2925; 25/5/2023	11.303	11.303	11.300		11.300	
12	Xây mới Trụ sở Công an xã Vĩnh Thực, thành phố Móng Cái	1	C	2023-2025		BQL dự án DTXD	2926; 25/5/2023	11.808	11.808	11.800		11.800	
13	Xây mới trụ sở Ban chỉ huy quân sự phường Trà Cỏ, thành phố Móng Cái	1	C	2023-2025		BQL dự án DTXD	3079; 05/6/2023	4.500	4.500	4.000		4.000	
X	Hỗ trợ đầu tư hạ tầng các Phường	14						31.317	29.361	29.063	0	29.063	
1	Phường Ka Long	1						2.033	2.033	2.020	0	2.020	
1.1	Cải tạo nâng cấp các công qua đường trên địa bàn phường Ka Long, TP Móng Cái	1	C	2022-2023	Cải tạo, nâng cấp 28 công qua đường	UBND phường Ka Long	495; 03/12/2021	2.033	2.033	2.020		2.020	
2	Phường Bình Ngọc	3						11.088	10.838	10.660	0	10.660	
2.1	Sửa chữa, bổ sung các hạng mục trụ sở UBND phường Bình Ngọc	1	C	2022	Cải tạo, sửa chữa trụ sở	UBND phường Bình Ngọc	850; 27/01/2022	906	906	900		900	
2.2	Đầu tư hệ thống điện chiếu sáng đường tỉnh lộ 335 từ Trụ sở UBND phường Bình Ngọc đi Mũi Ngọc, phường Bình Ngọc	1	C	2022-2024	Xây dựng tuyến chiếu sáng L= 3,7 km	BQL dự án DTXD	15229; 13/12/2021	7.083	7.083	6.910		6.910	

STT	Tên dự án	Số dự án	Phân loại dự án	Thời gian khởi công - hoàn thành	Nội dung thiết kế	Chủ đầu tư	QĐ phê duyệt CTĐT/phê duyệt DA	Tổng mức đầu tư		KH 2021-2025			Ghi chú	
								Tổng số	Trong đó: NSTP	Tổng số	Năm 2021	2022-2025		
2.3	Xây dựng Nhà văn hóa khu 4, phường Bình Ngọc	1	C	2023-2025		UBND phường Bình Ngọc	134/NQ-HĐND; 14/11/2022	3.100	2.850	2.850		2.850	2.850	
3	Phường Hòa Lạc	1						878	878	870	0	870	870	
3.1	Cải tạo, sửa chữa khu vui chơi trẻ em thành điểm vui chơi phường Hòa Lạc	1	C	2022	Sửa chữa nhà chính; khu vệ sinh; khuôn viên	UBND phường Hòa Lạc	16368; 31/12/2021	878	878	870		870	870	
4	Phường Ninh Dương	5						6.802	6.177	6.275	0	6.275	6.275	
4.1	Xây dựng tuyến công nước thải 16, 23, 26 khu Hồng Hà, phường Ninh Dương	1	C	2022	Xây dựng tuyến công nước thải với tổng chiều dài tuyến khoảng L = 193,17m	UBND phường Ninh Dương	16349; 31/12/2021	803	803	900		900	900	
4.2	Cải tạo, nâng cấp tuyến công thoát nước tổ 8, khu Thương Trung, phường Ninh Dương	1	C	2022	Tuyến công thoát nước có tiết diện BxH = 1,0x1,0m, chiều dài L=270,91m	UBND phường Ninh Dương	16348; 31/12/2021	1.169	1.169	1.170		1.170	1.170	
4.3	Nâng cấp, cải tạo vỉa hè trước nhà văn hóa khu Hồng Hà, phường Ninh Dương	1	C	2022	Lát diện tích vỉa hè 404,14m ²	UBND phường Ninh Dương	16350; 31/12/2021	556	556	555		555	555	
4.4	Nâng cấp, cải tạo vỉa hè đường Nguyễn Khuyến, khu Hồng Hà, phường Ninh Dương	1	C	2022	Lát diện tích vỉa hè 1.139m ²	UBND phường Ninh Dương	16351; 31/12/2021	875	450	450		450	450	
4.5	Xây dựng Nhà văn hóa khu Hồng Phong, phường Ninh Dương	1	C	2023-2025		UBND phường Ninh Dương	134/NQ-HĐND; 14/11/2022	3.400	3.200	3.200		3.200	3.200	
5	Phường Trà Cỏ	1						3.494	3.193	3.000	0	3.000	3.000	
5.1	Xây mới nhà văn hóa khu Trà Cỏ; sửa chữa nhà văn hóa khu Trà Cỏ, phường Trà Cỏ	1	C	2022-2023	Xây mới nhà văn hóa khu Trà Cỏ; sửa chữa nhà văn hóa khu Trà Cỏ	UBND phường Trà Cỏ	16504; 31/12/2021	3.494	3.193	3.000		3.000	3.000	
6	Phường Hải Hòa	2						2.791	2.791	2.788	0	2.788	2.788	
6.1	Cải tạo công thoát nước thải khu dân cư sau cây xăng khu 8, phường Hải Hòa	1	C	2022-2023	L = 658,8m	UBND phường Hải Hòa	962; 15/12/2021	2.143	2.143	2.140		2.140	2.140	
6.2	Đầu tư hệ thống điện chiếu sáng tuyến đường Trần Quang Khải từ khu 8 đi khu 2, phường Hải Hòa	1	C	2022	L = 1,76km	UBND phường Hải Hòa	963; 15/12/2021	648	648	648		648	648	
7	Phường Hải Yên	1						4.230	3.450	3.450	0	3.450	3.450	
7.1	Xây dựng Nhà văn hóa khu 3, phường Hải Yên	1	C	2023-2025		UBND phường Hải Yên	134/NQ-HĐND; 14/11/2022	4.230	3.450	3.450		3.450	3.450	
XI	Chương trình xây dựng nông thôn mới	27						144.345	137.296	103.509	21.749	81.760	81.760	
I	Các dự án chung	8						71.300	71.300	37.800	1.516	36.284	36.284	
1.1	Đào tạo nghề cho lao động nông thôn	1						10.000	10.000	2.000		2.000	2.000	
1.2	Kinh phí hỗ trợ các nội dung theo quy định tại Nghị quyết số 194 của HĐND tỉnh Quảng Ninh Khóa XIII	1						10.000	10.000	8.000		8.000	8.000	

STT	Tên dự án	Số dự án	Phân loại dự án	Thời gian khởi công - hoàn thành	Năng lực thiết kế	Chủ đầu tư	QĐ phê duyệt CTĐT/phê duyệt DA	Tổng mức đầu tư			KH 2021-2025		Ghi chú
								Tổng số	Trong đó: NSTP	Tổng số	Năm 2021	2022-2025	
1.3	Kinh phí hỗ trợ thực hiện đề án OCOP thành phố Móng Cái đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030; kinh phí hỗ trợ chương trình OCOP năm 2022	1						25.000	25.000	3.000		3.000	
1.4	Hỗ trợ Thành lập mới HTX; phát triển HTX	1						2.500	2.500	2.000		2.000	
1.5	Quy hoạch xây dựng NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu	1						9.800	9.800	9.800		9.800	
1.6	Kinh phí hoạt động của BCD	1						1.500	1.500	1.000		1.000	
1.7	Kinh phí tuyên truyền	1						2.500	2.500	2.000		2.000	
1.8	Kinh phí tổ chức và trao thưởng cho các cuộc thi thuộc chương trình NTM trên địa bàn thành phố giai đoạn 2021 - 2025	1						10.000	10.000	10.000		1.516	8.484
2	Chương trình xây dựng nông thôn mới các Xã	19						73.045	65.996	65.709	20.233	45.476	
a	<i>Xã Bắc Sơn</i>	7						15.059	13.042	13.158	6.900	6.258	
a1	Thôn đạt chuẩn NTM Thôn Lục Phú, xã Bắc Sơn	1	C	2020-2021	Sửa chữa nhà văn hóa, hệ thống chiếu sáng đường thôn Lục Phú	BQL dự án DTXD	9614; 04/12/2020	2.908	2.033	2.525	2.090	435	
a2	Vườn hoa, khuôn viên, cây xanh, rãnh thoát nước thải dọc các trục đường thôn Pec Nà, Phình Hồ và Thôn Phình	1	C	2020-2022	thoát nước Pec Nà; Xây bồn hoa	UBND xã Bắc Sơn	157; 11/12/2020	696	516	470	410	60	
a3	Nâng cấp tuyến đường thôn Pec Nà, xã Bắc Sơn	1	C	2021-2022	Lắp đặt cột, 35 bóng điện cao áp	UBND xã Bắc Sơn	206; 24/8/2021	2.624	2.081	1.990	1.108	882	
a4	Hệ thống điện chiếu sáng khu dân cư thôn Pec Nà, xã Bắc Sơn	1	C	2021-2022	Lắp đặt cột, 35 bóng điện cao áp	UBND xã Bắc Sơn	207; 24/8/2021	973	872	842	467	375	
a5	Sửa chữa nhà văn hóa thôn Pec Nà, xã Bắc Sơn	1	C	2021-2022	Sửa chữa nhà văn hóa, vệ sinh, tường rào	UBND xã Bắc Sơn	208; 24/8/2021	441	441	341	315	26	
a6	Xây dựng hệ thống thu gom xử lý nước thải, Khu dân cư thôn Phình Hồ, Thôn Phình, Pec Nà	1	C	2020-2022	L = 2,32 km	BQL dự án DTXD	9662; 07/12/2020	4.007	4.007	3.900	2.100	1.800	
a7	Xây dựng Điểm tập kết và mua xe thu gom rác thải sinh hoạt trên địa bàn	1	C	2020-2022	Xây 10 điểm tập kết rác, xe rác	UBND xã Bắc Sơn	156; 11/12/2020	449	410	410	410	0	
a8	Mở rộng, nâng cấp tuyến đường bán 10 hộ, thôn Lục Phú, xã Bắc Sơn	1	C			UBND xã Bắc Sơn		2.961	2.682	2.680		2.680	
b	<i>Xã Vạn Ninh</i>	7						17.913	16.216	16.256	10.962	5.294	
b1	Xây dựng thôn đạt chuẩn NTM thôn Cầu Voi	1	C	2021-2022	Sửa chữa tuyến đường 76m, xây rãnh thoát 176m, xây bồn hoa, cây xanh	UBND xã Vạn Ninh	54; 08/12/2020	838	779	779	695	84	
b2	Chinh trang, mở rộng lề đường, xây dựng rãnh thoát nước 02 bên đường ngõ xóm Thôn Bắc, Thôn Nam	1	C	2021-2022	L=671m	UBND xã Vạn Ninh	55; 08/12/2020	1.134	721	721	640	81	
b3	Lắp đặt hệ thống đèn cao áp tuyến đường trục chính xã	1	C	2021-2022	L=1579m	UBND xã Vạn Ninh	58; 08/12/2020	983	506	506	465	41	
b4	Nâng cấp khu thể thao trung tâm xã gắn với điểm di tích văn hóa	1	C	2021-2022	Sàn nền 4920m ² , thoát nước	UBND xã Vạn Ninh	57; 08/12/2020	724	671	671	550	121	

STT	Tên dự án	Số dự án	Phân loại dự án	Thời gian khởi công - hoàn thành	Năng lực thiết kế	Chủ đầu tư	QĐ phê duyệt CTĐT/phê duyệt DA	Tổng mức đầu tư		KH 2021-2025		Ghi chú
								Tổng số	Trong đó: NSTP	Tổng số	Năm 2021	
b5	Xây dựng 01 công xã, 01 công thôn	1	C	2021-2022	Công chào xã, công chào thôn Nam	UBND xã Vạn Ninh	56; 08/12/2020	701	519	435	84	
b6	Hệ thống thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt các thôn thôn Đông, thôn Trung, Thôn Cầu Voi trên địa bàn xã Vạn Ninh	1	C	2021-2022	L = 6,9 km	BQL dự án ĐTXD	9894; 11/12/2020	10.533	10.219	8.177	2.083	
b7	Xây mới Nhà văn hóa thôn cầu voi, xã Vạn Ninh	1	C			UBND xã Vạn Ninh		3.000	2.800		2.800	
c	Xã Hải Xuân	4						10.875	10.343	2.371	7.368	
c1	Xây dựng thôn đạt chuẩn nông thôn mới thôn 3, thôn 4, thôn 6	1	C			UBND xã Hải Xuân	3168; 29/4/2022	5.929	5.639	5.550	5.550	
c2	Sửa chữa, xây mới các tuyến đường ngõ, xóm trên địa bàn xã Hải Xuân	1	C			UBND xã Hải Xuân	226; 19/8/2021	1.031	812	472	207	
c3	Xây mới công khu Hồ Nam (thôn 1,2,3,4); thôn 8, thôn 10a, thôn 10b, xã Hải Xuân	1	C	2021-2022	Xây mới Công khu Hồ Nam (Thôn 1,2,3,4); Thôn 8; Thôn 10a; Thôn 10b.	UBND xã Hải Xuân	246; 17/10/2021	911	888	489	361	
c4	Hệ thống thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt trên địa bàn thôn 3, xã Hải Xuân	1	C	2021-2022	L = 1,65 km	BQL dự án ĐTXD	14714; 02/12/2021	3.004	3.004	1.410	1.250	
d	Xã Quảng Nghĩa	1						8.214	7.423	0	7.370	
d1	Xây dựng thôn đạt chuẩn NTM thôn 1, 2, 3, 4, 5, xã Quảng Nghĩa	1	C			UBND xã Quảng Nghĩa	3158; 29/4/2022	8.214	7.423	7.370	7.370	
e	Xã Hải Sơn	2						3.500	3.230	0	3.219	
e1	Xây dựng thôn đạt chuẩn NTM thôn Lục Chán, Thôn Phú xã, xã Hải Sơn	1	C			UBND xã Hải Sơn	3160; 29/4/2022	2.456	2.331	2.320	2.320	
e2	Chỉnh trang, nâng cấp chợ Pò Hèn, Xã Hải Sơn	1	C			UBND xã Hải Sơn		1.044	899		899	
g	Xã Hải Tiến	2						5.032	4.081	0	4.326	
g1	Xây dựng thôn đạt chuẩn NTM thôn 1, 2, 3A, 3B, 6, xã Hải Tiến	1	C			UBND xã Hải Tiến	3165; 29/4/2022	2.263	1.866	2.116	2.116	
g2	Sửa chữa nâng cấp hệ thống kênh mương nội đồng Thôn 1, 3A, 3B, xã Hải Tiến	1	C			UBND xã Hải Tiến		2.769	2.215	2.210	2.210	
h	Xã Hải Đông	1						4.530	4.295	0	4.290	
h1	Xây dựng thôn đạt chuẩn NTM thôn 2,3,4,11, xã Hải Đông	1	C			UBND xã Hải Đông	3166; 29/4/2022	4.530	4.295	4.290	4.290	
i	Xã Vĩnh Thực	2						5.689	5.503	0	5.496	
i1	Xây dựng thôn đạt chuẩn NTM thôn 1,3, xã Vĩnh Thực	1	C			UBND xã Vĩnh Thực	3157; 29/4/2022	3.681	3.517	3.510	3.510	
i2	Đường điện thấp sáng tuyến đường từ ngã 3 tới cảng Vạn Gia (đường liên xã); từ ngã 3 tới trung tâm UBND xã Vĩnh Thực	1	C			UBND xã Vĩnh Thực		2.008	1.986	1.986	1.986	
k	Xã Vĩnh Trung	1						2.233	1.863	0	1.855	

STT	Tên dự án	Số dự án	Phân loại dự án	Thời gian khởi công - hoàn thành	Năng lực thiết kế	Chủ đầu tư	QĐ phê duyệt CTĐT/phê duyệt DA	Tổng mức đầu tư			KH 2021-2025		Chỉ chú
								Tổng số	Trong đó: NSTP	Tổng số	Năm 2021	2022-2025	
k1	Xây dựng thôn đạt chuẩn NTM thôn 1,3,4 xã Vĩnh Trung	1	C			UBND xã Vĩnh Trung	3167; 29/4/2022	2.233	1.863	1.855		1.855	
XII	Công trình, dự án thực hiện Nghị quyết số 16/2021/NQ-HĐND	5						13.498	13.250	13.225	0	13.225	
1	Xã Hải Sơn	2						7.400	7.311	7.305	0	7.305	
1.1	Xây mới kênh Mã Thầu Sơn thôn Thanh Phú Xã, xã Hải Sơn	1	C			UBND xã Hải Sơn	3161; 29/4/2022	2.412	2.387	2.385		2.385	
1.2	Xây mới Nhà hoạt động thể chất trường Tiểu học & THCS Hải Sơn	1	C			UBND xã Hải Sơn	3159; 29/4/2022	4.988	4.924	4.920		4.920	
2	Xã Bắc Sơn	3						6.099	5.940	5.920	0	5.920	
2.1	Xây mới kênh tưới thôn Pec Nà, xã Bắc Sơn	1	C			UBND xã Bắc Sơn	3162; 29/4/2022	1.543	1.489	1.480		1.480	
2.2	Xây mới kênh tưới thôn Thanh Phú, xã Bắc Sơn	1	C			UBND xã Bắc Sơn	3163; 29/4/2022	2.022	1.989	1.980		1.980	
2.3	Thay thế ống dẫn nước tưới để phục vụ sản xuất thôn Phình Hồ, xã Bắc Sơn	1	C			UBND xã Bắc Sơn	3164; 29/4/2022	2.534	2.462	2.460		2.460	
XIII	Lĩnh vực khác	54						8.975	8.975	7.797	4.215	3.582	
1	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 tại khu Hồng Phong, phường Ninh Dương (quy đất thu hồi của Công ty Cao su)	1				Phòng Quản lý đô thị	8946; 12/11/2020	49	49	45	45	0	
2	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 trung tâm hội nghị tiệc cưới, nhà hàng, khách sạn tại khu Hồng Phong, phường Ninh Dương	1				Phòng Quản lý đô thị	8940; 12/11/2020	108	108	100	100	0	
3	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 điểm dân cư thôn 10B, thôn 5, thôn 8, xã Hải Xuân	1				Phòng Quản lý đô thị	8949; 12/11/2020	492	492	480	480	0	
4	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu dân cư khu Thượng Trung, phường Ninh Dương	1				Phòng Quản lý đô thị	8837; 09/11/2020	473	473	470	470	0	
5	Đề án Phát triển du lịch thành phố Móng Cái giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030	1				Phòng Văn hóa thông tin	5371; 08/7/2021	486	486	446	170	276	
6	Đề án phát triển hạ tầng môi trường thủy sản thành phố Móng Cái	1				Phòng Kinh tế	3648; 17/5/2021	2.746	2.746	2.689	950	1.739	
7	Đề án bảo vệ rừng ngập mặn gắn với khai thác lợi thế từ rừng ngập mặn để phục vụ phát triển du lịch thành phố Móng Cái	1				Phòng Kinh tế	3648; 17/5/2021	1.150	1.150	1.073	400	673	
8	Đề án Phát triển sản phẩm OCOP thành phố Móng Cái giai đoạn 2021-2025	1				Phòng Kinh tế	3648; 17/5/2021	442	442	441	155	286	
9	Đề án xây dựng NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu giai đoạn 2021-2025	1				Phòng Kinh tế	3648; 17/5/2021	935	935	933	325	608	
10	Chương trình phát triển đô thị thành phố Móng Cái đến năm 2030	1				Phòng Quản lý đô thị	5350; 07/07/2021	1.259	1.259	300	300		
11	Quy hoạch chi tiết TL 1/500 Đất ở tại thôn 10A, thôn 10B, xã Hải Xuân, thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh	1				Phòng Quản lý đô thị	8950; 12/11/2020	347	347	340	340	0	
12	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Một số điểm dân cư xã Hải Sơn, Bắc Sơn, thành phố Móng Cái	1				Phòng Quản lý đô thị	8948; 12/11/2020	489	489	480	480	0	

Handwritten signature

STT	Tên dự án	Số dự án	Phân loại dự án	Thời gian khởi công - hoàn thành	Năng lực thiết kế	Chủ đầu tư	QĐ phê duyệt CTD/pha duyệt DA	Tổng mức đầu tư		KH 2021-2025		Ghi chú
								Tổng số	Trong đó: NSTP	Tổng số	Năm 2021	
XII	Chương trình tổng thể phát triển bền vững kinh tế - xã hội, bảo đảm vững chắc quốc phòng - an ninh ở các xã, thôn, bản vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, biên giới, hải đảo gắn với xây dựng nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2021- 2025	21						61.575	58.851	50.852	0	50.852
1	Sửa chữa, xây mới mương tưới đập Giếng Cối, Ván Sin thôn 1, thôn 2, thôn 3 xã Vĩnh Thực	1				UBND xã Vĩnh Thực	1617; 22/3/2023	3.068	2.908	2.836		2.836
2	Nâng cấp tuyến đường trục chính nội đồng thôn 7 đến công chào thôn 5, xã Hải Đông	1				UBND xã Hải Đông	1617; 22/3/2023	5.600	5.300	4.813		4.813
3	Lắp đặt hệ thống điện chiếu sáng tuyến đường từ ngã ba bưu điện xã đến bến cá Trần Hưng Đạo, xã Vạn Ninh	1				UBND xã Vạn Ninh	1617; 22/3/2023	783	685	666		666
4	Tuyến điện chiếu sáng thôn 4, xã Hải Xuân	1				UBND xã Hải Xuân	1617; 22/3/2023	1.500	1.450	866		866
5	Xây mới Nhà văn hóa thôn 5, xã Hải Xuân	1				UBND xã Hải Xuân	1617; 22/3/2023	2.500	2.450	2.234		2.234
6	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ Trạm khí tượng đến nhà văn hóa thôn 5, xã Hải Xuân	1				UBND xã Hải Xuân	1617; 22/3/2023	2.154	2.020	1.964		1.964
7	Xây mới tuyến kênh mương nội đồng phục vụ tưới tiêu thôn 6, thôn 11, xã Hải Xuân	1				UBND xã Hải Xuân	1617; 22/3/2023	2.600	2.199	2.017		2.017
8	Sửa chữa ngầm tràn Pec Nà II, xã Bắc Sơn	1				UBND xã Bắc Sơn	1617; 22/3/2023	2.900	2.835	2.283		2.283
9	Xây mới nhà văn hóa thôn Lục Chấn, xã Hải Sơn	1				UBND xã Hải Sơn	1617; 22/3/2023	2.500	2.450	1.983		1.983
10	Xây mới Nhà văn hóa thôn 1, xã Vĩnh Trung	1				UBND xã Vĩnh Trung	1617; 22/3/2023	2.600	2.550	2.400		2.400
11	Cải tạo, nâng cấp tuyến mương thôn 1, thôn 2 xã Vĩnh Trung	1				UBND xã Vĩnh Trung	1617; 22/3/2023	1.802	1.731	1.699		1.699
12	Nhà đa năng trường tiểu học Quảng Nghĩa	1				BQL dự án ĐTXD	1617; 22/3/2023	5.690	5.640	4.961		4.961
13	Cải tạo, nâng cấp đường trục thôn, ngõ xóm trên địa bàn xã Vĩnh Thực, thành phố Móng Cái	1				UBND xã Vĩnh Thực	1617; 22/3/2023	4.440	4.180	3.800		3.800
14	Tuyến điện chiếu sáng thôn 3, thôn 5, xã Hải Đông	1				UBND xã Hải Đông	1617; 22/3/2023	2.880	2.810	1.800		1.800
15	Lắp đặt hệ thống điện chiếu sáng thôn 2, xã Hải Tiên	1				UBND xã Hải Tiên	1617; 22/3/2023	1.735	1.691	1.230		1.230
16	Xây mới Nhà văn hóa thôn 5, xã Hải Tiên	1				UBND xã Hải Tiên	1617; 22/3/2023	2.500	2.450	2.200		2.200
17	Xây mới Nhà văn hóa thôn 1, xã Hải Tiên	1				UBND xã Hải Tiên	1617; 22/3/2023	2.500	2.450	2.200		2.200
18	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường trục chính thôn Nam, xã Vạn Ninh	1				UBND xã Vạn Ninh	1617; 22/3/2023	4.400	4.100	4.000		4.000
19	Hệ thống cấp nước sinh hoạt cho các khu dân cư thôn Pec Nà và thôn Thân Phụng xã Bắc Sơn, thành phố Móng Cái.	1				UBND xã Bắc Sơn	1617; 22/3/2023	4.000	3.800	2.900		2.900

STT	Tên dự án	Số dự án	Phân loại dự án	Thời gian khởi công - hoàn thành	Năng lực thiết kế	Chủ đầu tư	QĐ phê duyệt CTĐT/phê duyệt DA	Tổng mức đầu tư			KH 2021-2025	Ghi chú	
								Tổng số	Trong đó: NSTP	Tổng số			
20	Hệ thống cấp nước sinh hoạt cho các khu dân cư xóm Dới Tây thôn Pò Hèn và xóm 26 hộ thôn Thân Phun xã Hải Sơn, thành phố Móng Cái.	1				UBND xã Hải Sơn	1617: 22/3/2023	2.623	2.492	1.600		1.600	
21	Hệ thống cấp nước sinh hoạt cho thôn 1, thôn 2, thôn 3, xã Vĩnh Trung	1				UBND xã Vĩnh Trung	1617: 22/3/2023	2.800	2.660	2.400		2.400	

CHẤM

